



Số: 13/2008/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về việc bổ sung sửa đổi một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Thông tư số 69/2006/TT-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 31 tháng 01 năm 2008 của Liên Bộ Tài chính-Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1177/TTr-STC ngày 22 tháng 7 năm 2008 về việc đề nghị Ban hành Quy định về quy trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương căn cứ chức năng nhiệm vụ của ngành có trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 75/2005/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định Chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã; các chủ đầu tư xây dựng công trình; Chủ tịch Hội đồng thẩm định bồi thường giải phóng mặt bằng của tỉnh; Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các huyện, thị xã; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH


Lê Thị Quang

Nơi nhận: *2/4*

- Văn phòng Chính Phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ KH và ĐT;
- Bộ TN & MT;
- Cục Kiểm tra văn bản- Bộ Tư Pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội địa phương ;
- Thường trực Tỉnh uỷ ;
- Thường trực HĐND tỉnh ;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh ;
- Như Điều 4 (thi hành);
- Các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Chuyên viên VP UBND tỉnh ;
- Lưu: VT (C. 200) In : 200 b/P-

QUY ĐỊNH

**Về chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng
vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng,
mục đích phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /2008/QĐ-UBND ngày 26
Tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Phạm vi: Khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang.

2. Đối tượng:

a) Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi toàn tỉnh bị nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi chung là người bị thu hồi đất).

b) Các Chủ đầu tư xây dựng công trình, người có trách nhiệm bồi thường; cơ quan thẩm định phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện và các cơ quan có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người bị nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật được thực hiện theo đúng quy định tại:

- Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 187/2004/NĐ-CP về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi và giải quyết khiếu nại về đất đai;

- Các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ, ngành liên quan và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại bản quy định này.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư và đất vườn ao liền kề với đất ở trong khu dân cư.

1. Mức hỗ trợ: Đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư, đất vườn ao liền kề với đất ở trong khu dân cư không được công nhận là đất ở ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp cùng mục đích sử dụng còn được hỗ trợ bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 30% giá đất ở liền kề.

2. Diện tích được hỗ trợ quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 43 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, như sau:

a) Đối với diện tích đất vườn, ao thực tế đang sử dụng trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ, nhà ở dọc kênh mương, nhà ở dọc tuyến đường giao thông không thuộc các khu vực quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 thì diện tích đất được tính để hỗ trợ bằng tiền của mỗi thửa đất là diện tích thu hồi thực tế nhưng tối đa bằng bốn (04) lần hạn mức diện tích giao đất ở quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đối với diện tích đất thuộc thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới các khu vực quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 thì diện tích được tính để hỗ trợ bằng tiền của mỗi thửa đất là diện tích thu hồi thực tế nhưng tối đa bằng bốn (04) lần hạn mức diện tích giao đất ở quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Hỗ trợ đối với đất nông nghiệp do hộ gia đình cá nhân nhận giao sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 10 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ.

1. Đối tượng được hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán của các nông, lâm trường quốc doanh được hỗ trợ đối với đất nông nghiệp phải là:

a) Cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

b) Hộ gia đình cá nhân là hộ nông dân đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp.

2. Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ bằng 70% giá đất bồi thường.

3. Diện tích được hỗ trợ: Là diện tích đất thu hồi thực tế có hợp đồng nhận khoán hợp pháp (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) nhưng tối đa bằng hạn mức diện tích giao đất sản xuất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Hỗ trợ di chuyển

1. Khi Nhà nước thu hồi đất hộ gia đình (kể cả người đang thuê nhà không thuộc sở hữu Nhà nước) phải tháo dỡ nhà và di chuyển đến nơi ở mới, thì được xét hỗ trợ di chuyển.

2. Mức hỗ trợ di chuyển như sau:

a) Di chuyển trong tỉnh: 3.000.000 đồng/ 01 hộ.

b) Di chuyển ra ngoài tỉnh: 5.000.000 đồng/ 01 hộ.

3. Riêng hộ tự tái định cư, ngoài việc được nhận mức hỗ trợ như quy định tại khoản 2 Điều này còn được hỗ trợ một lần cho việc đi liên hệ và lấy xác nhận của chính quyền địa phương nơi đến.

a) Mức hỗ trợ:

- Tái định cư trong tỉnh: 400.000 đồng/01 hộ.

- Tái định cư ngoài tỉnh: đến các tỉnh Miền Bắc 800.000 đồng/01 hộ; đến các tỉnh Miền Trung 1.000.000 đồng/01 hộ; đến các tỉnh Miền Nam 1.200.000 đồng/ 01 hộ.

b. Điều kiện được nhận hỗ trợ đối với hộ tự tái định cư: hộ tự tái định cư phải được Ủy ban nhân dân xã nơi đi đồng ý cho tự tái định cư, Ủy ban nhân dân xã nơi đến đồng ý tiếp nhận (việc đồng ý phải bằng văn bản) và phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã nơi đi.

4. Trường hợp người bị thu hồi đất không còn chỗ ở khác, trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (bố trí tái định cư) thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở. Mức hỗ trợ cho hộ gia đình trên địa bàn các xã thuộc huyện là 200.000 đ/01hộ/01tháng, mức hỗ trợ cho hộ gia đình trên địa bàn thị trấn là 300.000 đ/01hộ/01tháng, mức hỗ trợ cho hộ gia đình trên địa bàn xã, phường thuộc thị xã là 500.000 đ/01hộ/01tháng. Thời gian hỗ trợ cụ thể theo từng dự án nhưng không quá 06 tháng.

Điều 6. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi nhà nước thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp được giao hoặc đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân khai hoang (không phải đất lấn chiếm) nhưng chưa được làm thủ tục giao đất, được hỗ trợ ổn định đời sống.

a) Thời gian hỗ trợ: Trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 06 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ thì thời gian hỗ trợ thực hiện theo từng dự án nhưng tối đa là 12 tháng.

b) Mức hỗ trợ bằng tiền cho một nhân khẩu có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương tại thời điểm thu hồi đất được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận tương đương 30 kg gạo tẻ (loại trung bình)/01 tháng/01 nhân khẩu, giá hỗ trợ được tính theo thông báo giá của Sở Tài chính tại thời điểm hỗ trợ.

2. Tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh có đăng ký kinh doanh khi bị nhà nước thu hồi đất mà bị ngừng sản xuất kinh doanh thì được hỗ trợ bằng tiền. Căn cứ vào thời gian ngừng sản xuất kinh doanh để xác định mức hỗ trợ cho phù hợp, mức hỗ trợ tối đa không quá 30% thu nhập sau thuế của 01 năm, nhưng không quá 60 triệu đồng.

Thu nhập sau thuế được xác định theo đúng quy định của Nhà nước về phương pháp xác định thu nhập doanh nghiệp và được tính theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước thời điểm thu hồi đất và phải được cơ quan Thuế sở tại kiểm tra và xác nhận.

Điều 7. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm

Hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, khi bị thu hồi trên 30% diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại nơi thu hồi, chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất thì được hỗ trợ chi phí chuyển đổi nghề nghiệp cho những lao động nông nghiệp trong độ tuổi, để đi học nghề tại cơ sở dạy nghề. Mức hỗ trợ 350.000đ/01 tháng/01 người, thời gian hỗ trợ 06 tháng.

Điều 8. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn

Đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn được hỗ trợ. Mức hỗ trợ được xác định trên cơ sở đơn giá bồi thường đối với từng vị trí, khu vực tương ứng. Tiền hỗ trợ được nộp vào ngân sách nhà nước và được cấp lại 100% cho ngân sách xã, phường, thị trấn. Số tiền cấp lại chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng và sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn trên cơ sở phải có dự toán ngân sách được lập và phê duyệt theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 9. Hỗ trợ sản xuất tại nơi tái định cư

Hộ sản xuất nông nghiệp phải di chuyển vào khu tái định cư và được giao đất để sản xuất nông nghiệp trong khu tái định cư được hỗ trợ sản xuất bằng tiền để mua giống cây trồng, giống vật nuôi và các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi cho vụ sản xuất đầu tiên.

Mức hỗ trợ theo từng dự án cụ thể nhưng không quá 3.000.000 đồng/01ha.

Điều 10. Hỗ trợ khác

1. Hỗ trợ gia đình chính sách: những hộ gia đình có đối tượng chính sách xã hội thuộc đối tượng quy định tại Nghị định 54/2006/NĐ-CP ngày 26/5/2006 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng (thuộc Phòng Lao động, Thương Binh và Xã hội huyện, thị xã quản lý, xác nhận) phải di chuyển chỗ ở đến nơi ở mới do bị thu hồi đất thì ngoài việc được hỗ trợ di chuyển theo mức quy định tại Điều 5 bản Quy định này còn được hỗ trợ: 1.000.000 đồng/01hộ.

2. Hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất có mức sống thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chí hộ nghèo do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội công bố trong từng thời kỳ (có tên trong sổ hộ nghèo được phòng LĐTBXH huyện, thị xã quản lý, xác nhận) thì được hỗ trợ để vượt qua hộ nghèo. Mức hỗ trợ: 3.000.000đồng/01hộ/01năm đối với hộ phải di chuyển chỗ ở đến nơi ở mới, 1.500.000 đồng/01hộ/01năm đối với hộ bị thu hồi đất nhưng không phải di chuyển chỗ ở; thời gian hỗ trợ từ khi bị thu hồi đất đến khi được công nhận vượt qua hộ nghèo nhưng tối đa không quá 05 năm.

3. Hỗ trợ mua sắm công cụ lao động cho những lao động làm nghề mới cho những lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp sau đào tạo. Mức hỗ trợ 2.500.000 đồng/01lao động và chỉ được hỗ trợ một lần.

4. Thường di chuyển đúng kế hoạch: Các hộ gia đình bị thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở đến nơi ở mới thực hiện di chuyển đúng kế hoạch theo thông báo của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện (phải có đăng ký và cam kết di chuyển đúng kế hoạch với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện) thì được thưởng di chuyển 4.000.000 đồng/01hộ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Quy định này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang biết để thực hiện và giám sát kiểm tra quá trình thực hiện của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc xét duyệt, chi trả, thanh toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Điều 12. Giao Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch- Đầu tư, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 13. Quy định này là căn cứ để lập dự toán, thực hiện hỗ trợ và thanh quyết toán đối với các chính sách hỗ trợ bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 14. Những hành vi vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quy định này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Tài chính. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông- Vận tải, Công thương và các cơ quan khác có liên quan để tổng hợp báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết. *ll*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Quang